

FEXOFENADINE 60-HV

Viên nén bao phim Fexofenadine HCl 60 mg

Thành phần

Mỗi viên nén bao phim chứa:

Fexofenadine HCl 60 mg

Tá dược: Tinh bột ngô, Lactose monohydrat, Microcrystalline Cellulose, Povidone, Natri croscarmellose, Colloidal silicon dioxyd, Magnesi stearat, Talc, Hydroxypropylmethyl cellulose, Titan dioxyd, Polyethylen glycol 6000, Màu Sunset yellow

Phân loại

Fexofenadine HCl là thuốc kháng histamin thế hệ thứ 3.

Dược lực

Dược chất chính của FEXOFENADINE 60-HV là Fexofenadine hydrochloride là chất chuyển hóa của terfenadine là một chất kháng histamin có hoạt tính đối kháng chọn lọc với thụ thể H1 ngoại biên.

Cơ chế tác dụng

Fexofenadine hydrochloride tác dụng chọn lọc trên thụ thể H1 ngoại biên, tác dụng trực tiếp mà không cần qua hệ thống men gan chuyển hóa.

Dược động học

- Fexofenadine hydrochloride được hấp thu nhanh sau khi uống, nồng độ đỉnh trong huyết tương đạt được sau khi uống 2,6 giờ.
- Khoảng 60% -70% Fexofenadine hydrochloride gắn với protein huyết tương, chủ yếu là albumin và alpha 1- acid glycoprotein.
- Khoảng 5% tổng liều uống được chuyển hóa.
- Thời gian bán thải trung bình của Fexofenadine là 14,4 giờ sau khi uống. Khoảng 80% liều được tìm thấy trong phân và 11% liều được tìm thấy trong nước tiểu.

Chỉ định

FEXOFENADINE 60-HV được chỉ định trong các trường hợp sau:

- Giảm nhẹ các triệu chứng đi kèm với viêm mũi dị ứng như hắt hơi, chảy mũi ngứa mũi, nghẹt mũi, ngứa vòm/hầu/họng.
- Điều trị các triệu chứng của mề đay vô căn mạn tính, làm giảm ngứa và số lượng dát mề đay.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Nếu cần biết thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ.

Liều lượng và cách dùng

Liều dùng và thời gian dùng thuốc cho từng trường hợp cụ thể tùy theo chỉ định của Bác sĩ điều trị.

Liều dùng thông thường như sau:

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: 1 viên 60 mg x 2 lần/ngày

Bệnh nhân suy thận: khởi đầu điều trị 1 viên 60 mg x 1 lần/ngày

Không cần điều chỉnh liều ở bệnh nhân suy gan và lớn tuổi.

Cách dùng: Dùng đường uống.

Chống chỉ định: Bệnh nhân có tiền sử quá mẫn với bất cứ thành phần nào của thuốc

Bệnh nhân dưới 12 tuổi.

Thận trọng

Phụ nữ mang thai, cho con bú

Thận trọng cho phụ nữ mang thai. Chỉ dùng khi thật cần thiết.

Anh hưởng khi lái xe và vận hành máy móc:

Thuốc ít gây buồn ngủ, nhưng vẫn cần thận trọng khi vận hành máy móc hoặc lái tàu xe.

Tương tác thuốc

Vì thuốc có thể làm giảm tác dụng của thuốc kháng acid chứa nhôm và magie nên dùng thuốc cách nhau 2 giờ.

Tác dụng phụ

Tác dụng phụ chủ yếu là: buồn nôn, thống kinh, buồn ngủ, khó tiêu và mệt.

Thông báo cho Bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

Quá liều và cách xử trí:

Quá liều: buồn ngủ, chóng mặt, khô miệng

Xử trí: Sử dụng các biện pháp thông thường để loại bỏ phần thuốc thẩm phân máu làm giảm nồng độ thuốc trong máu không đáng kể (1,7%).

Không có thuốc giải độc đặc hiệu.

Tiêu chuẩn

Nhà sản xuất

Hạn dùng

36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Bảo quản

Bảo quản thuốc ở nơi khô thoáng, nhiệt độ dưới 30⁰C, tránh ánh sáng.

Để thuốc xa tầm tay trẻ em.

Nhà sản xuất:

CTY TNHH US PHARMA USA

Lô B1 – 10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi – TP. Hồ Chí Minh – Việt Nam.

Mọi thắc mắc và thông tin chi tiết, xin liên hệ về số điện thoại

08-37908860